TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 459/2026/DS-PT
Ngày: 21 – 5 - 2026
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Huy.

Các Thẩm phán: Ông Võ Ngọc Giàu;

Ông Nguyễn Phú Thọ.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Hồng Mơ, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1019/2025/TLPT- DS ngày 17 tháng 12 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 109/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 8 – Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 241/2026/QĐ-PT ngày 13 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:*

- Quách Chấn N, sinh năm 1956 (chết ngày 29/10/2025);

- Huỳnh Ngọc Đ, sinh năm 1956;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Quách Chấn N:

+ Huỳnh Ngọc Đ, sinh năm 1956;

Địa chỉ: số B, khóm K, phường S, tỉnh Đồng Tháp.

+ Quách Bửu C, sinh năm 1975;

Địa chỉ: số C, khóm Đ, phường S, tỉnh Đồng Tháp.

+ Quách Chấn P, sinh năm 1977;

Địa chỉ: số C, khóm Đ, phường S, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Hữu N1, sinh năm 1991;

Địa chỉ: số F khóm T, phường S, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Huỳnh Ngọc Đ: Luật sư Đặng Thị Thúy V, Văn phòng L1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ.

* *Bị đơn:* Lê Thị D, sinh năm 1975;

Địa chỉ: số C, khóm K, phường S, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Trần Thanh H, sinh năm 1963;

Địa chỉ: số A, đường số A, phường L, tỉnh Tây Ninh.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Trần Phương L, sinh năm 1966;

- Lê Thị Bé T, sinh năm 1966;

Cùng địa chỉ: số H, tổ D, ấp B, xã M, tỉnh Đồng Tháp.

Người kháng cáo: Bị đơn Lê Thị D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Phương L, Lê Thị Bé T.

(Có mặt Nguyễn Hữu N1, Trần Thanh H, Trần Phương L, Luật sư Đặng Thị Thúy V tại phiên tòa. Đương sự Lê Thị Bé T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

** Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và phiên tòa sơ thẩm, các nguyên đơn Quách Chấn N, Huỳnh Ngọc Đ có người đại diện theo ủy quyền anh Nguyễn Hữu N1 trình bày:*

Do mối quan hệ quen biết nên ông N và bà Đ có cho bà Lê Thị D vay tiền. Việc cho vay tiền có lập tờ thoả thuận ghi ngày 30/6/2020 âl (âm lịch), do ông Nguyễn Thanh Q viết giùm nội dung Tờ thoả thuận, không có thế chấp tài sản. Trên thực tế tháng 06 âm lịch của năm 2020 kết thúc vào ngày 29/6 và chuyển tiếp là ngày 01/7 âm lịch do nhầm lẫn vì thói quen nghĩ rằng hôm qua là ngày 29 âm lịch thì ngày tiếp theo là ngày 30 âm lịch và cũng vì chủ quan không kiểm tra lại nên Tờ thoả thuận ghi ngày 30/6 âl. Do vậy, ông N, bà Đ xác định thực tế ngày lập Tờ thoả thuận vay tiền là ngày 01/7/2020 âl tức là ngày 19/8/2020 dương lịch. Ông Quách Chấn N và bà Huỳnh Ngọc Đ cho bà Lê Thị D vay số tiền là 420.000.000đ, lãi suất vay thoả thuận miệng là 4%/tháng, không xác định thời hạn vay. Ông N và bà Đ giao số tiền vay 420.000.000đ cho bà D. Sau khi nhận tiền bà D giao cho ông Trần Phương L và bà Lê Thị Bé T (là anh chị của bà D) mục đích cho ông L và bà T vay lại để sử dụng vào việc xây nhà nội dung này có thể hiện trong tờ thỏa thuận.

Từ khi vay đến nay ông N và bà Đ có nhận của bà D, ông L, bà T tiền lãi được 04 tháng x 16.800.000đ/ tháng = 67.200.000đ. Từ tháng 01/2021 ngưng không đóng lãi, chưa trả vốn. Ông N và bà Đ đã liên hệ yêu cầu bà D trả nợ nhiều lần nhưng bà D không thực hiện.

Do bà D vay tiền là để cho ông L, bà T sử dụng nên yêu cầu ông L và bà T liên đới cùng với bà D trả nợ vay cho ông N và bà Đ.

Nay ông Quách Chấn N và bà Huỳnh Ngọc Đ yêu cầu bà Lê Thị D, ông Trần Phương L và bà Lê Thị Bé T liên đới trả tiền vốn 420.000.000đ, tiền lãi tính từ ngày 19/8/2020 đến ngày 30/9/2025 với lãi suất 0.83%/tháng x 61 tháng 11 ngày = 213.924.000đ, sau khi khấu trừ số tiền lãi đã nhận 67.200.000đ, còn nợ lại tiền lãi 146.724.000đ, tổng cộng vốn, lãi là 566.724.000đ và tiếp tục tính lãi kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm. Ngoài ra, không còn yêu cầu gì khác.

** Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn Lê Thị D có người đại diện theo ủy quyền ông Trần Thanh H trình bày:*

Bà Lê Thị D có giới thiệu ông Trần Phương L và bà Lê Thị Bé T (chị ruột bà D) vay tiền của ông N và bà Đ. Tại văn bản ý kiến ngày 02/5/2024 bà D thừa nhận có ký tên vào Tờ thoả thuận ngày 30/6/2020 nhưng mục đích là bà D chứng kiến việc ông L và bà T nhận tiền vay của ông N và bà Đ với số tiền là 100.000.000đ, không phải vốn 420.000.000đ như ông N, bà Đ trình bày. Số tiền 420.000.000đ là tiền do ông L, bà T cộng dồn do vay trước đó nhiều lần, nhưng do hai bên không làm giấy tờ nên không có gì để làm căn cứ. Khi ký tên vào Tờ thoả thuận bà D sơ suất không xem rõ và đầy đủ nội dung của Tờ thoả thuận, sự thật là bà D không có vay số tiền 420.000.000đ mà do ông L và bà T vay, bà D không có vay tiền. Tại phiên hoà giải ngày 22/7/2024 bà D thay đổi ý kiến trình bày, bà D xác định không có ký tên vào tờ thoả thuận và không có vay số tiền 420.000.000đ nên yêu cầu giám định chữ ký.

Quá trình vay tiền ông L và bà T là người sử dụng tiền vay và đóng lãi cho ông N và bà Đ rất nhiều lần, bà D không đóng lãi. Đồng thời, phía ông L và bà T cũng đồng ý trả nợ cho ông N và bà Đ. Do đó, bà D không liên quan gì trong vụ án này. Người có trách nhiệm trả tiền cho ông N và bà Đ là ông L và bà T không phải bà D. Do vậy, bà D không đồng ý theo yêu cầu của ông N và bà Đ buộc bà D cùng liên đới với ông L, bà T trả nợ. Ngoài ra, không còn yêu cầu gì khác.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Phương L và bà Lê Thị Bé T cùng có người đại diện theo ủy quyền ông Trầng Thanh H1 trình bày:*

Ông Trần Phương L và bà Lê Thị Bé T thống nhất theo ý kiến trình bày của bà Lê Thị D. Ông L và bà T xác định trước đây vào năm 2017 có vay tiền của ông N và bà Đ nhiều lần vay 530.000.000đ, lãi suất 6%/ tháng và 100.000.000đ với lãi suất 8%/ tháng. Hiện không còn giữ tài liệu chứng cứ chứng minh.

Quá trình vay ông L và bà T đã đóng lãi cho ông N và bà Đ từ ngày 02/9/2017 đến 04/3/2019 là 580.000.000đ, trả vốn gốc ngày 04/3/2019 đến ngày 04/5/2020, tổng cộng 330.000.000đ, việc trả tiền vốn, lãi không có làm biên nhận, không có chứng cứ chứng minh.

Đến ngày 30/6/2020, ông L và bà T chưa trả được nợ nên ông L và bà T lập thỏa thuận vay của ông N và bà T số tiền 420.000.000đ, nhưng thực tế là trong đó vốn gốc 200.000.000đ và cộng dồn lãi 220.000.000đ và ông L, bà T cũng là người nhận, sử dụng tiền mục đích để nuôi cá, không phải xây dựng nhà, do đó nội dung tờ thỏa thuận là không đúng. Ông L và bà T trình bày bà D, ông L và bà T có ký

tên vào một tờ giấy trắng sau này mới biết là từ tờ giấy trắng này ông N mới nhờ ông Quốc Đ1 nội dung vào như Tờ thoả thuận ngày 30/6/2020 âm lịch, còn thực tế bà D không có vay tiền, không có sử dụng tiền của ông N và bà Đ.

Nay phía ông L và bà T đồng ý trả nợ cho ông N, bà Đ và xác định khoản nợ này không liên quan gì đến bà D. Ông L và bà T tự nguyện trả nợ cho ông N, bà Đ và không yêu cầu bà D cùng trả nợ.

Ngoài ra, sau khi làm tờ thỏa thuận thì ông L và bà T có trả được 02 lần tiền lãi cho ông N và bà Đ cụ thể vào ngày 08/4/2022 trả 3.000.000đ, ngày 08/5/2022 trả 3.000.000đ, tổng cộng 6.000.000đ. Tuy nhiên, phía ông N xác định đã nhận lãi 67.200.000đ thì ông L, bà T cũng thống nhất đã đóng được lãi 67.200.000đ.

Nay ông L và bà T xác định chỉ còn nợ vốn 200.000.000đ, còn 220.000.000đ còn lại là tiền lãi cộng dồn do ông N, bà Đ cộng gộp vào vốn. Do đó, ông L và bà T đồng ý trả cho ông N và bà Đ số tiền vốn 200.000.000đ và xin không đóng lãi do hiện đang bệnh tật, kinh tế gia đình khó khăn. Ông L, bà T tự chịu trách nhiệm trả nợ cho ông N, bà Đ. Ngoài ra, không còn yêu cầu gì khác.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 109/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 8– Đồng Tháp đã quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các điều 91, 147, 161 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 357, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. **Xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Quách Chấn N và bà Huỳnh Ngọc Đ.

Buộc bà Lê Thị D, ông Trần Phương L và bà Lê Thị Bé T liên đới trả tiền vốn 420.000.000đ, tiền lãi là 146.724.000đ, tổng cộng vốn, lãi là 566.724.000đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 13/10/2025, bị đơn bà Lê Thị D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Phương L và bà Lê Thị Bé T có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, trả hồ sơ về cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Huỳnh Ngọc Đ: Người kháng cáo không có chứng cứ chứng minh kháng cáo có căn cứ pháp luật. Người đại diện hợp pháp của ông Trần Phương L và bà Lê Thị Bé T thừa nhận nghĩa vụ đã được ghi nhận tại biên bản hòa giải của Tòa án cấp sơ thẩm. Ông Trần Thanh H là người đại diện hợp pháp của bà Lê Thị D, ông Trần Phương L, bà Lê Thị Bé T tự ý không tham dự phiên tòa sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 109/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Đồng Tháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

[1]. Về tố tụng: Bà Lê Thị D, ông Trần Phương L, bà Lê Thị Bé T nộp đơn kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung kháng cáo:

Theo hồ sơ vụ án, bà Lê Thị D, ông Trần Phương L và bà Lê Thị Bé T có vay tiền của ông Quách Chấn N và bà Huỳnh Ngọc Đ xây dựng nhà ở, hai bên có lập văn bản "Tờ thỏa thuận" ghi ngày 30/6/2020 (âm lịch). Theo đó, số tiền vay là 420.000.000 đồng, thời hạn vay và lãi không xác định. Thực hiện hợp đồng, bà Lê Thị D, ông Trần Phương L và bà Lê Thị Bé T có trả cho ông Quách Chấn N và bà Huỳnh Ngọc Đ 04 tháng tiền lãi với số tiền 67.200.000 đồng, không trả tiền gốc.

Bà Lê Thị D cho rằng số tiền 420.000.000 đồng là do ông Trần Phương L và bà Lê Thị Bé T vay của ông Quách Chấn N và bà Huỳnh Ngọc Đ nên trách nhiệm trả nợ thuộc ông Trần Phương L và bà Lê Thị Bé T. Ông Trần Phương L và bà Lê Thị Bé T cho rằng là người vay số tiền 420.000.000 đồng, trong đó gồm 200.000.000 đồng tiền gốc và 220.000.000 đồng tiền lãi. Tuy nhiên, nội dung "Tờ thỏa thuận" ngày 30/6/2020 (âm lịch) thể hiện việc bà Lê Thị D là

người trực tiếp giao dịch vay tiền của ông Quách Chấn N và bà Huỳnh Ngọc Đ để cho ông Trần Phương L và bà Lê Thị Bé T sử dụng xây dựng nhà ở và xác định bên vay bao gồm bà Lê Thị D và vợ chồng ông Trần Phương L, bà Lê Thị Bé T, mặc dù ông Trần Phương L và bà Lê Thị Bé T thừa nhận là người vay tiền nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh lời trình bày của mình là sự thật, không được ông Quách Chấn N và bà Huỳnh Ngọc Đ thừa nhận.

Như vậy, có căn cứ xác định bà Lê Thị D, ông Trần Phương L và bà Lê Thị Bé T nợ ông Quách Chấn N và bà Huỳnh Ngọc Đ số tiền vay 420.000.000 đồng. Việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Lê Thị D, Trần Phương L và bà Lê Thị Bé T có nghĩa vụ liên đới trả nợ gốc và lãi cho ông Quách Chấn N và bà Huỳnh Ngọc Đ là có căn cứ theo quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do vậy, Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị D, ông Trần Phương L và bà Lê Thị Bé T.

[3]. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ chấp nhận.

[5] Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Huỳnh Ngọc Đ phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6]. Về án phí: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị D, ông Trần Phương L và bà Lê Thị Bé T.

- Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 109/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 8 – Đồng Tháp.

Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Quách Chấn N và bà Huỳnh Ngọc Đ.

Buộc bà Lê Thị D, ông Trần Phương L và bà Lê Thị Bé T liên đới trả cho bà Huỳnh Ngọc Đ, bà Quách Bửu C và ông Quách Chấn P (người thừa kế của

ông Quách Chấn N) số tiền 566.724.000 đồng (gồm nợ gốc 420.000.000 đồng, nợ lãi là 146.724.000 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Lê Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Chuyển 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0005758 ngày 23/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp thành án phí.

Bà Lê Thị Bé T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Chuyển 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0004489 ngày 22/10/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp thành án phí.

Ông Trần Phương L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Chuyển 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0004488 ngày 22/10/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp thành án phí.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;(1)
- TAND khu vực 8 – Đồng Tháp;(1)
- THADS tỉnh Đồng Tháp; (1)
- Các đương sự;(1)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lê Huy